TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS-ST
Ngày: 17 – 3 - 2023
"V/v *tranh chấp di sản thừa kế*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Diệu; Bà Vũ Thị Ngân.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lan Hướng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp chia di sản thừa kế, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1947
Địa chỉ: Thôn Q, xã M, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.
-Bị đơn: Ông Nguyễn Duy Ph, sinh năm 1964
Địa chỉ: Thôn Q, xã M, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.

-Người có quyền lợi và ngĩa vụ liên quan:

1/Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1953.

2/ Bà Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1958

Đều ở nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.
3/ Ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1954.
4/Ông Nguyễn Duy Ph1, sinh năm 1962.
5/Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1963
Đều ở nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.
(*Tại phiên tòa có mặt ông Đ và ông Ph; Bà R, bà Q1, ông L, ông Ph1, bà Tr có đơn xin xử án vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Duy Đ trình bày: Bố đẻ ông Đ là cụ Nguyễn Duy L1, sinh năm 1924, mất vào ngày 22/5/2001, mẹ đẻ ông Đ là cụ Nguyễn Thị R1, sinh năm 1924, mất vào ngày 09/7/2020. Cụ L1và cụ R1có 07 người con là:

1/Ông Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1947 (là tôi)

2/Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1953.

3/Ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1954.

4/Bà Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1958

5/Ông Nguyễn Duy Ph, sinh năm 1964

6/Ông Nguyễn Duy Ph1, sinh năm 1962.

7/Bà Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 01/01/1963

Cụ L1và cụ R1chết đều không để lại di chúc, có để lại di sản thừa kế là ½ diện tích của thửa đất ở số thửa 562, tờ bản đồ số 04 (diện tích cả thửa đất là 332m^2, đều là đất ở), địa chỉ thửa đất: Thôn Q, xã M, huyện Qu, tỉnh Thái Bình, thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00141 ngày 15/3/2004 mang tên chủ sử dụng đất hộ ông Nguyễn Duy L1, con Nguyễn Duy Ph. Di sản thừa kế trên đất là 01 nhà gỗ bốn gian cấp 4 hiện làm nhà thờ. Ngoài ra trên thửa đất còn có công trình xây dựng nhà mái bằng + công trình phụ + cây sưa, cây mít là tài sản riêng của ông Ph. Toàn bộ thửa đất do ông Ph đang quản lý và sử dụng, riêng nhà thờ ông Đ quản lý chìa khóa để hương khói cho tổ tiên.

Nguồn gốc thửa đất là của cha ông để lại cho hai cụ. Trong quá trình chung sống thì 06 người con đã ra ở riêng, ông Ph sinh sống cùng hai cụ trên thửa đất. Thời điểm trước năm 2000 hai cụ đã tự nguyện cho ông Ph được quyền sử dụng ½ diện tích thửa đất để ông Ph sinh sống, vì vậy khi kê khai để đo đạc Vilap để làm sổ đỏ đã kê khai chủ sử dụng đất là hộ Ông Nguyễn Duy L1 và con Nguyễn Duy Ph. Sau khi Cụ L1chết thì đến ngày 15/3/2004 UBND huyện Qu mới hoàn tất cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho thửa đất (số 00141) và mang tên chủ sử dụng đất hộ ông Nguyễn Duy L1 và con Nguyễn Duy Ph. Hộ ông Nguyễn Duy L1 gồm có Cụ L1và cụ R1. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của Cụ L1và cụ R1để lại gồm là ½ diện tích thửa đất ở + 01 nhà gỗ bốn gian cấp 4 xây dựng trên đất cho hàng thừa kế thứ nhất là 07 người con, ông đề nghị được nhận bằng hiện vật để thờ cúng tổ tiên vì ông là con trai trưởng. Ông đồng ý nhận kỷ phần thừa kế của những đồng thừa kế khác nhường cho ông và ông không yêu cầu chia trả công sức quản lý di sản. Ông nhất trí với kết quả xem xét, thẩm định và định giá tài sản của Tòa án, xác định diện tích thửa đất theo kết quả thẩm định là 357,9m^2.

Người có quyền lợi và ngĩa vụ liên quan: Bà R, ông L, bà Q1, ông Ph1, bà Trđều khai thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn. Ông L đề nghị khước từ quyền hưởng di sản thừa kế và đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế cho 06 người còn lại theo quy định của pháp luật. Bà R, bà Q1, ông Ph1, bà Tr đều đề nghị chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế và đều đề nghị nhường lại kỷ phần di sản thừa kế được hưởng cho ông Đ được sở hữu, sử dụng và không yêu cầu ông Đ chia trả chênh lệch, đều nhất trí với kết quả xem xét, thẩm định và định giá tài sản của Tòa án. Bà R, ông L, bà Q1, ông Ph1, bà Trcó đơn đề nghị xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Duy Ph: Ông xác nhận bố mẹ đẻ ông là Cụ L1và cụ R1có 07 người con như nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã trình bày. Đối với thửa đất ở số thửa 562, tờ bản đồ số 04 địa chỉ ở Thôn Q, xã M, huyện Qu, ông Ph xác nhận có nguồn gốc của bố mẹ ông. Trước năm 1999 bố, mẹ ông đã cắt cho ông Đ, ông Ph1 mỗi người một phần diện tích của thửa đất để làm nhà và sinh sống riêng. Diện tích còn lại của thửa đất là 332m^2 ông cùng bố mẹ ông sinh sống qua các thời điểm bố, mẹ ông mất và hiện trạng như hiện nay, ông đang quản lý và sử dụng. Phía trong của thửa đất có 01 nhà gỗ bốn gian cấp 4 của bố mẹ ông để lại, thời điểm khoảng năm 2020 ông Đvà mốt số anh em đã sửa chữa lại và hiện làm nhà thờ và do ông Đđang quản lý để hương khói. Phía ngoài của thửa đất ông Ph đã xây dựng nhà mái bằng và công trình phụ để sinh sống, ngoài ra ông còn trồng một số cây sưa + cây mít trên thửa đất. Nay ông Ph đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Đvì lý do sau:

+ Thời điểm bố mẹ ông còn sống, bố mẹ ông có nói với ông là cho ông toàn bộ thửa đất.

+ Ông là người trực tiếp làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất để làm sổ đỏ, việc ông đưa tên cụ Nguyễn Duy L1 vào là người chủ sử dụng đất là do ông tôn trọng bố mẹ ông, thực chất bố mẹ ông đã nói cho ông thửa đất. Vì vậy bố, mẹ ông mất đi thì ông là người toàn quyền được sử dụng thửa đất này.

Tại phiên tòa:

Ông Đ trình bày ý kiến, giữ nguyên quan điểm như nội dung yêu cầu khởi kiện, nhất trí nhận phần di sản thừa kế được hưởng của 04 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhường cho ông được sở hữu và sử dụng, đồng thời có nguyện vọng được chia sở hữu và sử dụng phần đất có nhà thờ ở phía trong để thờ cúng tổ tiên. Ông không yêu cầu chia trả công quản lý di sản.

Ông Ph trình bày ý kiến, giữ nguyên quan điểm, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Ngoài ra ông Ph còn đề nghị ngôi nhà 4 gian hiện đang làm nhà thờ được ông Đvà một số anh em bỏ tiền ra sửa sang lại làm nhà thờ, đó là tài sản riêng của ông Đvà một số anh em, không phải là di sản thừa kế, vì vậy ông khước từ hưởng thừa kế đối với ngôi nhà này. Ông Ph không yêu cầu chia trả công sức quản lý di sản.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến*: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong các giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định thửa đất ở số thửa 562, tờ bản đồ số 04, diện tích thửa đất hiện tại được thẩm định là 357,9m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn Q, xã M, huyện Qu, tỉnh Thái Bình thuộc quyền sử dụng của cụ Nguyễn Duy L1, cụ Nguyễn Thị R1 và ông Nguyễn Duy Ph. Xác định di

sản thừa kế của Cụ L1và cụ R1là ½ diện tích thửa đất, tức 357,9m^2:2 =178,95m^2 và 01 nhà cấp 4 xây trên đất. Xác định hàng thừa kế theo pháp luật của hai cụ là 07 người con gồm: Ông Đ; Bà R; ông L; ông Ph; ông Ph1; bà Q1; bà Tr. Do ông L khước từ quyền hưởng thừa kế đối với toàn bộ di sản thừa kế, vì vậy hàng thừa kế xác định còn lại 06 người.

Đề nghị xử chia 178,95m^2 đất ở cho 06 đồng thừa kế, mỗi kỷ phần là 178,95m^2:6= 29,825m^2; Xử chia 01 nhà cấp 4 cho 05 đồng thừa kế (do ông L, ông Ph từ chối nhận), mỗi kỷ phần được hưởng trị giá 75.000.000 đồng: 5= 15.000.000đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của Bà R, bà Tr, bà Q1, ông Ph1 nhường kỷ phần cho ông Đhưởng và không yêu cầu ông Đ chia trả chênh lệch. Chấp nhận việc ông Đ, ông Ph không yêu cầu chia trả công sức quản lý di sản.

Xác định 178,95m^2 đất ở còn lại và công trình xây dựng + cây trồng trên đất là tài sản riêng của ông Ph.

Về án phí: Do ông Đ, Bà R, bà Q1, ông Ph1 và bà Tr là người đủ 60 tuổi, vì vậy đề nghị miễn án phí dân sự cho ông Đđối với phần ông Đ được hưởng và kỷ phần của ông Đ nhận từ Bà R, bà Q1, ông Ph1 và bà Tr.

Ông Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện nhận chịu cả tiền thẩm định và định giá tài sản của ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn Q, xã M, huyện Qu, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 03/10/2022 nguyên đơn khởi kiện chia di sản thừa kế, căn cứ vào Điều 623 Bộ luật dân sự yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị R, ông Nguyễn Duy L, bà Nguyễn Thị Q1, ông Nguyễn Duy Ph1, bà Nguyễn Thị Tr, có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cụ Nguyễn Duy L1, sinh năm 1924 và cụ cụ Nguyễn Thị R1, sinh năm 1924 là quan hệ vợ chồng, Cụ L1 mất vào ngày 22/5/2001, cụ R1mất vào ngày 09/7/2020 có giấy trích lục khai tử của Ủy ban nhân dân xã M. Thời điểm hai cụ mất đều không để lại di chúc, vì vậy di sản thừa kế của hai cụ để lại chia theo pháp luật.

[3] Về di sản thừa kế của Cụ L1và cụ R1để lại: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua xác minh thể hiện thửa đất ở số thửa 562, tờ bản đồ số 04, diện tích cả thửa đất là 332m^2 (đều là đất ở), địa chỉ thửa đất: Thôn Q, xã M, huyện Qu, tỉnh Thái Bình có nguồn gốc của Cụ L1và cụ R1. Nguyên đơn và 05 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều khai xác nhận ông Ph sinh sống cùng với hai cụ trên thửa đất, thời điểm kê khai làm sổ đỏ, hại cụ đã tự nguyện cho ông Ph quyền sử dụng ½ diện tích thửa đất. Sau khi đo đạc Vilap ông Ph là người đại diện thay mặt hai cụ làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất. Ngày 15/3/2004 UBND huyện Qu, tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00141 và mang tên chủ sử dụng đất: Hộ ông Nguyễn Duy L1, con Nguyễn Duy Ph. Nguyên đơn và 05 người có quyền lợi

và nghĩa vụ liên quan đều xác nhận hộ ông Nguyễn Duy L1 gồm có Cụ L1và cụ R1. Ngoài ½ diện tích thửa đất, hai cụ còn có 01 nhà gỗ bốn gian cấp 4, năm 2020, một số anh em đã sửa lại thành nhà thờ như hiện nay để cụ R1ở trước khi cụ R1mất. Đối với số tiền bỏ ra sửa nhà, nguyên đơn và 05 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu, đề nghị gì . Như vậy, xác định di sản thừa kế của hai cụ để lại là ½ diện tích của thửa đất và 01 nhà gỗ bốn gian cấp 4 trên đất. Sau khi hai cụ chết, ông Ph tiếp tục sử dụng thửa đất. Trong quá trình sinh sống ông Ph đã trồng cây và xây dựng nhà mái bằng + công trình phụ để sinh hoạt. Nhà thờ do ông Đ quản lý.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất trên diện tích hiện tại là 357,9m^2, bốn cạnh giáp hộ liền kề, có 01 lối đi ra đường giao thông rộng 2,42m. Nửa phía ngoài ông Ph đã xây dựng nhà mái bằng + công trình phụ + sân; Nửa phía trong có 01 nhà gỗ bốn gian cấp 4 + Sân + vườn và 08 cây gỗ sưa, 01 cây mít do ông Ph trồng là tài sản riêng của ông Ph. Hội đồng định giá tài sản huyện Quỳnh Phụ đã định giá 357,9m^2 x2.000.000 = 715.800.000đồng; 04 gian nhà gỗ cấp bốn = 75.000.000đồng; 08 cây Sưa và 01 cây Mít = 2.775.800đồng.

Đối với diện tích tăng thêm 25,9m^2, qua xác minh các hộ liền kề đều khẳng định không có sự xâm lấn tranh chấp, không có sự trao đổi cho nhau và ranh giới thửa đất vẫn giữ nguyên hiện trạng. Xác minh với UBND xã M cung cấp, toàn bộ thửa đất là đất ở, có sự chênh lệch số đo thửa đất là do sai số trong đo đạc. Các đương sự đều nhất trí xác định diện tích thửa đất theo kết quả đo đạc hiện tại là 357,9m^2.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị xác định ½ diện tích thửa đất và 01 nhà gỗ bốn gian cấp 4 là di sản thừa kế của Cụ L1và cụ R1để lại. Lời khai của 05 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều khai như lời khai của nguyên đơn và xác nhận khi Cụ L1và cụ R1còn sống, hai cụ đã cho ông Ph quyền sử dụng ½ diện tíc thửa đất, ½ thửa đất còn lại thuộc quyền sử dụng của hai cụ. Lời khai của nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều thống nhất, có căn cứ và phù với chứng cứ được thể hiện tên chủ sử dụng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00141 do UBND huyện cấp ngày 15/3/2004 và biên bản xác minh với công chức địa chính xã M ngày 08/02/2023.

Xét yêu cầu của bị đơn: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn cho rằng quá trình chung sống, Cụ L1và cụ R1đã nói là cho bị đơn toàn bộ thửa đất. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh và cũng không có căn cứ nào chứng minh toàn bộ thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của bị đơn. Do đó, ý kiến của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xác định di sản thừa kế của Cụ L1và cụ R1là ½ diện tích thửa đất là 178,95m^2 và 01 nhà gỗ bốn gian cấp 4. Xác định nửa diện tích còn lại của thửa đất là 178,95m^2 thuộc quyền sử dụng của ông Ph. Di sản thừa kế đã được hội đồng định giá xác định có tổng giá trị là: 432.900.000 đồng, trong đó đất ở 178,95m^2 x 2.000.000 đồng/m^2 = 357.900.000 đồng; nhà: 75.000.000 đồng.

[4] Về hàng thừa kế: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều khai thống nhất cụ R1và Cụ L1có 07 người con gồm ông Đ, ông Ph, ông L, ông Ph1, Bà R, bà Q1, bà Tr. Hai cụ không có vợ chồng nào khác và không có con nuôi hay con riêng nào khác, bố mẹ hai cụ đều đã chết trước khi hai cụ qua đời, 07

người con thời điểm hiện tại vẫn còn sống. Như vậy, thời điểm mở thừa kế thì hàng thừa kế được xác định gồm 07 người con. Do ông L khước từ quyền hưởng di sản thừa kế, vì vậy hàng thừa kế còn lại 06 người. Cụ L1và cụ R1không để lại di chúc, vì vậy di sản thừa kế được chia theo quy định pháp luật thành 06 kỷ phần bằng nhau. Mỗi kỷ phần được hưởng là 29,825 m2 đất (*178,95 m2 đất: 6 = 29,825 m2*) x 2.000.000đồng = 59.650.000đồng và 12.500.000đồng tiền trị giá nhà gỗ cấp 4 (*75.000.000 đồng : 6 = 12.500.000đồng*). Tổng trị giá kỷ một phần được hưởng là 59.650.000 + 12.500.000 = 72.150.000đồng (*bảy mươi hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng*). Do ông Ph khước từ hưởng thừa kế đối với ngôi nhà, vì vậy kỷ phần thừa kế của ông Ph là 29,825 m2 đất = 59.650.000đồng

[5] Xét về cách thức chia và giao di sản thừa kế: Qua xác minh cho thấy hiện tại nguyên đơn đang quản lý nhà thờ và có nguyện vọng được chia bằng hiện vật làm nơi thờ cúng tổ tiên. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng có ý kiến như trên và đề nghị nhường lại kỷ phần được hưởng cho nguyên đơn được sở hữu và sử dụng và không yêu cầu chia trả chênh lệch, nguyên đơn nhất trí. Căn cứ vào hiện trạng thực tế thửa đất, xét thấy nguyện vọng của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và sự thỏa thuận trên là đúng quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, vì vậy cần chấp nhận. Do bị đơn đã xây dựng công trình và đang sinh sống nửa phía ngoài, vậy cần xác định nửa đất phía ngoài có diện tích 166,9 m^2 + 12 m^2 ngõ đi chung thuộc quyền sử dụng của ông Ph. Chia và giao cho ông Đ được sử dụng diện tích đất phía trong 167 m^2 + 12 m^2 ngõ đi chung và 01 nhà cấp 4 xây trên đất.

Buộc ông Đ phải có trách nhiệm thanh toán trị giá bằng tiền cho ông Ph số tiền của một kỷ phần thừa kế được hưởng (*đất ở*): 59.650.000 đồng và 100.000 đồng tiền chênh lệch do diện tích đất của ông Đ được nhận rộng hơn 0,05m2 (0,05 x 2.000.000 đồng = 100.000đồng) là phù hợp. Tổng số tiền ông Đ phải trả cho ông Ph là 59.750.000đồng

[6] *Đối với chi phí tiền công quản lý, bảo quản di sản thừa kế:* Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Ph, ông Đ không yêu cầu, vì vậy Tòa án không xét.

[7] Về án phí: Đối với nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là người cao tuổi, vì vậy căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đ phần ông Đđược hưởng và kỷ phần của ông Đ nhận từ Bà R, bà Q1, ông Ph1 và bà Tr. Ông Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về chi phí định giá và thẩm định: Ông Đ nhận chịu cả 2.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản (*ông Đ đã nộp xong số tiền trên*).

[9] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 271, 273; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự

năm 2015; Điều 179 Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Duy Đ.

- Xác định ½ diện tích thửa đất là 178,95m2 của thửa đất thửa số 562, tờ bản đồ số 04, địa chỉ thửa đất: Thôn Q, xã M, huyện Qu, tỉnh Thái Bình và 01 nhà gỗ 04 gian cấp 4 xây dựng trên đất là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Duy L1 và cụ Nguyễn Thị R1. Tổng trị giá di sản thừa kế là 432.900.000 đồng (*đất: 357.900.000đồng; nhà 75.000.000đồng).*

- Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự: Bà Nguyễn Thị Q1, bà Nguyễn Thị R, bà Nguyễn Thị Tr, ông Nguyễn Duy Ph1 nhường kỷ phần thừa kế tài sản cho ông Nguyễn Duy Đ được quyền sở hữu và sử dụng và không yêu cầu ông Đ chia trả chênh lệch. Chấp nhận việc ông Nguyễn Duy L từ chối nhận toàn bộ di sản thừa kế và ông Nguyễn Duy Ph từ chối nhận phần di sản thừa kế là nhà cấp 4.

- Xử chia và giao cho ông Nguyễn Duy Đ được quyền sở hữu và sử dụng nửa đất phía trong có diện tích 167 m^2 + 12 m^2 ngõ đi chung (*giáp hộ ông L2, hộ ông Tr1 và hộ ông H*) của thửa đất số thửa 562, tờ bản đồ số 04, địa chỉ thửa đất: Thôn Q, xã M, huyện Qu, tỉnh Thái Bình trị giá 358.000.000 đồng; 01 nhà gỗ 04 gian cấp 4 xây dựng trên đất trị giá 75.000.000đồng; 08 cây sưa và 01 cây mít trị giá 2.775.800 đồng. Tổng trị giá là 435.775.800đồng.

"*Phần đất của của ông Đ được chia có vị trí, diện tích, số đo các cạnh theo sơ đồ kèm theo*"

- Xác định ½ diện tích thửa đất ở nửa phía ngoài 166,9 m^2 + 12 m^2 ngõ đi chung (*giáp hộ ông Đ, hộ ông Tr1 và hộ ông H*) của thửa đất số thửa 562, tờ bản đồ số 04, địa chỉ thửa đất: Thôn Q, xã M, huyện Qu, tỉnh Thái Bình thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Duy Ph.

"*Phần đất của ông Ph có vị trí, diện tích, số đo các cạnh theo sơ đồ kèm theo*"

-Xác định diện tích đất 24 m^2 (*giáp phần đất ông Ph, ông Đ và hộ ông Tr1*) là ngõ đi chung thuộc quyền sử dụng của ông Đ và ông Ph.

"*Phần đất ngõ đi chung có vị trí, diện tích, số đo các cạnh theo sơ đồ kèm theo*"

- Buộc ông Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Ph số tiền 59.750.000 đồng và trị giá 08 cây sưa + 01 cây mít = 2.775.800đồng. Tổng số tiền ông Đ phải thanh toán cho ông Ph là 62.525.800 đồng (*sáu mươi hai triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn tám trăm đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đ đối với kỷ phần ông Đ được hưởng và phần ông Đ nhận của Bà R, ông Ph1, bà Q1, bà Tr. Ông Ph phải chịu 2.982.500 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tuyên án; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thái Bình.
-VKSND tỉnh Thái Bình
-VKSND huyện Quỳnh Phụ.
-Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ.
-UBND xã M
-Những người tham gia tố tụng.
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN MINH ĐỨC